

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BGDDĐT- QLCL

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Đề án, Tờ trình và Quyết định của TTgCP phê duyệt Đề án “Phát triển hệ thống đánh giá diện rộng cấp quốc gia đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục và hội nhập quốc tế giai đoạn 2022-2030”

Kính gửi: Các Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2022 tại Công văn số 509/VPCP-TH ngày 19/01/2022 Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức xây dựng dự thảo Đề án “Phát triển hệ thống đánh giá diện rộng cấp quốc gia đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục và hội nhập quốc tế giai đoạn 2022-2030” (gọi tắt là Đề án).

Để hoàn thiện dự thảo Đề án trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng đề nghị Quý Cơ quan cho ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo Đề án (tài liệu gửi kèm theo).

Văn bản góp ý vui lòng gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo, số 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội trước ngày **31/7/2022**. Thông tin liên hệ: bà Phạm Thị Thu Hằng, Trung tâm Đánh giá chất lượng giáo dục, Cục Quản lý chất lượng, điện thoại: 0904.854.998, Email: ptthang@moet.gov.vn.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ PC, Cục QLCL (để t/h);
- Lưu: VT, QLCL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG


Nguyễn Hữu Độ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ ÁN

**Phát triển hệ thống đánh giá diện rộng cấp quốc gia
đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục
và hội nhập quốc tế giai đoạn 2022-2030**

Hà Nội, tháng 6/2022

NỘI DUNG	Trang
Phần thứ nhất: Bối cảnh, cơ sở và sự cần thiết ban hành Đề án	03
I. Bối cảnh	03
II. Cơ sở pháp lý	05
III. Cơ sở thực tiễn	07
Phần II: Nội dung cơ bản của Đề án	09
I. Quan điểm	09
II. Mục tiêu	09
III. Nhiệm vụ và giải pháp	11
IV. Kinh phí thực hiện	12
Phần III: Tổ chức thực hiện	13
Danh sách Bảng phụ lục	14

Phần I

BỐI CẢNH, CƠ SỞ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN

I. BỐI CẢNH

Phát triển giáo dục bền vững ngày nay đã là một mục tiêu thiên niên kỷ, là vấn đề được tất cả các quốc gia quan tâm, trong đó đánh giá và đo lường giáo dục đóng một vai trò quan trọng nhằm cung cấp các thông tin phản hồi kịp thời cho các bên liên quan theo các mục đích khác nhau để đảm bảo chất lượng giáo dục cũng như thúc đẩy sự phát triển của nó.

Ngoài việc thu thập thông tin về kết quả giáo dục, đánh giá và đo lường giáo dục còn tập trung thu thập các thông tin liên quan đến các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả giáo dục, chẳng hạn các yếu tố về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, các yếu tố liên quan đến con người như niềm tin, thái độ, cảm xúc, động lực của người dạy, người học. Thông qua đó, đưa ra các giải pháp nhằm giám sát sự tiến bộ cũng như cải thiện chất lượng giáo dục. Đánh giá và đo lường giáo dục cũng có tác động to lớn đến việc thúc đẩy động cơ, thái độ học tập của người học, hoàn thiện quá trình dạy học, đảm bảo chất lượng, tính hiệu quả của công tác quản lý ở các cơ sở giáo dục. Ngoài ra, có một khía cạnh quan trọng khác của đánh giá và đo lường giáo dục là cung cấp bằng chứng cho việc hoạch định chính sách giáo dục.

Trong bối cảnh hiện tại, vấn đề toàn cầu hóa về kinh tế, xã hội, giáo dục ngày càng được phát triển mạnh mẽ. Cùng với sự phát triển này, nhiều tổ chức cũng như các quốc gia đã phát triển các chương trình đánh giá quốc gia và quốc tế để thu thập các bằng chứng liên quan đến việc dạy và học nhằm đưa ra các khuyến nghị phù hợp cho từng bối cảnh. Ví dụ, tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) đã có Chương trình đánh giá học sinh quốc tế (PISA) cho học sinh ở độ tuổi 15, độ tuổi kết thúc chương trình giáo dục bắt buộc ở hầu hết các quốc gia; tổ chức CONFEMEN có chương trình PASEC đánh giá đầu vào và đầu ra của học sinh tiểu học (lớp 2 và lớp 5) dành cho khối các nước sử dụng tiếng Pháp; IEA có chương trình TIMSS đánh giá học sinh lớp 4 và lớp 8 trong lĩnh vực Toán học, Khoa học và PIRLS và đánh giá lớp 8 trong lĩnh vực Đọc hiểu.

Hầu hết các quốc gia đều sử dụng các kì đánh giá trên diện rộng là một công cụ để đảm bảo chất lượng hệ thống giáo dục. Ví dụ, đánh giá NAPLAN được tổ chức hằng năm cho tất cả học sinh các lớp 3, 5, 7 và 9 tại tất cả các

trường ở Australia để đánh giá năng lực Đọc hiểu (Literacy) và Tính toán (Numeracy). Ở Mỹ, đánh giá quốc gia về tiến bộ giáo dục (NAEP) được quản lý bởi Trung tâm Thống kê Giáo dục Quốc gia, thuộc Viện Khoa học Giáo dục thuộc Bộ Giáo dục Hoa Kỳ, là đánh giá quốc gia trên mẫu đại diện và liên tục lớn nhất. NAEP được thực hiện bởi hai phiên bản: «chính» và «dài hạn». Các bài đánh giá NAEP chính được thực hiện trong nhiều môn học dành cho học sinh lớp 4, 8 và 12 trên toàn quốc. Các bài đánh giá được đưa ra thường xuyên nhất cho các lĩnh vực Toán học, Đọc hiểu, Khoa học và Viết. Các lĩnh vực khác như Nghệ thuật, Kinh tế, Địa lí, Công nghệ và kỹ thuật được đánh giá theo các chu kỳ nhất định. Đánh giá NAEP dài hạn được triển khai định kỳ cho các học sinh 9, 13 và 17 tuổi ở cấp quốc gia. Điểm chung của các đánh giá diện rộng đó là thu thập các thông tin liên quan trong quá trình giáo dục ở các địa phương, từ đó cung cấp các bằng chứng, khuyến nghị để điều chỉnh chính sách cũng như vận hành giáo dục, đảm bảo rằng triết lý, mục tiêu giáo dục quốc gia/bang/tỉnh ... được thực thi một cách hệ thống.

Với các thành tựu mới nhất của khoa học đánh giá và đo lường giáo dục, các đánh giá quốc gia và quốc tế kể trên đã ứng dụng một cách triệt để nhằm nâng cao chất lượng của các đánh giá được tiến hành thông qua việc chú trọng đến đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, tính công bằng trong đánh giá. Ngoài ra, với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ đã tạo nên sự thay đổi ở nhiều khâu của quá trình đánh giá, từ việc thiết kế các công cụ đánh giá, đến các phương pháp, kỹ thuật đánh giá cũng như các hình thức triển khai đánh giá. Đặc biệt, đánh giá trên máy tính và đánh giá thích ứng đã được sử dụng ngày càng rộng rãi nhằm cung cấp chính xác hơn năng lực/thành tích của người học cũng như các thông tin liên quan đến quá trình giáo dục.

Cùng với xu hướng hội nhập quốc tế trong lĩnh vực đánh giá và đo lường giáo dục thì các mạng lưới đánh giá giáo dục không biên giới đã được hình thành nhằm tăng cường sự hợp tác dưới nhiều góc độ khác nhau cũng như có các hỗ trợ cần thiết cho các quốc gia cùng phát triển lĩnh vực này. Hơn nữa, xu thế ngày càng nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ tham gia các kỳ khảo sát, đánh giá quốc tế do các tổ chức giáo dục uy tín trên thế giới tổ chức. Qua việc tham gia này, các nước đều có được các thông tin về thực trạng giáo dục nội tại cũng như cung cấp các bằng chứng khoa học cho việc so sánh giáo dục giữa các quốc gia. Điều này góp phần thúc đẩy sự phát triển đi lên về giáo dục cũng như từng bước thúc đẩy việc ứng dụng các thành tựu mới nhất của khoa học đánh giá và đo lường giáo dục ở mỗi quốc gia.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” (Nghị quyết 29) đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp: *“Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan”* theo đó “Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cần từng bước theo các tiêu chí tiên tiến được xã hội và cộng đồng giáo dục thế giới tin cậy và công nhận”; *“Thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục, đào tạo ở cấp độ quốc gia, địa phương, từng cơ sở giáo dục, đào tạo và đánh giá theo chương trình của quốc tế để làm căn cứ đề xuất chính sách, giải pháp cải thiện chất lượng giáo dục, đào tạo”*.

2. Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc Hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đưa ra yêu cầu: *“Đổi mới căn bản phương pháp đánh giá chất lượng giáo dục theo hướng hỗ trợ phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; phản ánh mức độ đạt chuẩn quy định trong chương trình”* nhằm *“cung cấp thông tin chính xác, khách quan, kịp thời cho việc điều chỉnh hoạt động dạy, hướng dẫn hoạt động học nhằm nâng cao dần năng lực học sinh”*, góp phần cung cấp thông tin để thực hiện *“Chương trình giáo dục phổ thông phải phù hợp với điều kiện thực tiễn về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, kỹ thuật của nhà trường và khả năng tiếp thu của học sinh”*.

3. Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 29 (Nghị quyết 44) xác định nhiệm vụ, giải pháp *“Định kỳ tổ chức đánh giá chất lượng giáo dục trên phạm vi cả nước và từng địa phương; tham gia các kỳ đánh giá quốc tế về chất lượng giáo dục phổ thông để làm căn cứ đề xuất chính sách, giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục”*.

4. Kết luận số 51-KL/TW ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (Kết luận 51), đã chỉ đạo tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ, giải pháp: *“Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; bảo đảm các điều kiện cơ bản để thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới”*.

5. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về phát triển giáo dục đã chỉ rõ: *“Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài”*. Tiếp tục hoàn thiện các khâu, các yếu tố của quá trình đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh đổi mới đồng bộ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý và quản trị nghiệp vụ chuyên môn trong giáo dục và đào tạo, từng bước thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục và đào tạo. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kiên quyết khắc phục bệnh thành tích, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục và đào tạo. Hoàn thiện và thực hiện ổn định các phương thức đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục và đào tạo, thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng và đào tạo nghề. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả chiến lược hợp tác và hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo.

6. Luật Giáo dục 2019: khoản 5 Điều 104 “Quy định về đánh giá chất lượng giáo dục; tổ chức, quản lý việc bảo đảm chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục” và Điều 110, Điều 111, Điều 112 Mục 3. Quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục.

7. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đề ra nhiệm vụ, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế: *“Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; xây dựng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và đánh giá chất lượng giáo dục; thực hiện đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động”*.

8. Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

9. Biên bản ghi nhớ về hợp tác giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) ngày 05 tháng 11 năm 2021.

10. Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Công văn số 509/VPCP-TH ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ về Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2022.

III. CƠ SỞ THỰC TIỄN

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” được thực hiện trong bối cảnh khoa học và công nghệ phát triển nhanh chóng, toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ; cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động đến mọi hoạt động kinh tế - xã hội; nước ta đang chuyển đổi nền kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu, hội nhập quốc tế sâu rộng đặt ra nhiều cơ hội và thách thức đối với giáo dục Việt Nam.

Triển khai thực hiện 07 quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng kế hoạch thực hiện, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các cơ sở giáo dục tích cực triển khai Nghị quyết.

Trên cơ sở mục tiêu đổi mới Giáo dục và Đào tạo, triển khai thực hiện giải pháp về *“Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan”*, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và Chương trình giáo dục phổ thông các môn học; ban hành Thông tư số 51/2011/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá định kỳ quốc gia kết quả học tập của học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông; ký kết các văn bản hợp tác với các tổ chức quốc tế để triển khai các đánh giá quốc tế tại Việt Nam; hướng dẫn các địa phương đổi mới phương pháp dạy học theo hướng khắc phục lối truyền thụ một chiều, ghi nhớ máy móc nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Việc tổ chức đánh giá chất lượng ở các cơ sở giáo dục, địa phương và ở cấp quốc gia được thực hiện thường xuyên, trong đó đánh giá quốc gia được tiến hành với phạm vi toàn quốc nhằm phục vụ công tác quản lý các hoạt động dạy học, phát triển chương trình giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục. Đối tượng tham gia khảo sát bao gồm học sinh ở khối lớp được chọn khảo sát; giáo viên dạy khối lớp được khảo sát; cán bộ quản lý các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông. Nội dung khảo sát bao gồm các đánh giá kết quả học

tập các môn học thông qua các bài kiểm tra và đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của học sinh thông qua các bộ phiếu hỏi. Trong 10 năm qua, Việt Nam đã triển khai các kỳ khảo sát đánh giá quốc gia đối với lớp 5 (các năm học 2010-2011 và 2019-2020); lớp 9 (các năm học 2012-2013, 2019-2020 và 2021-2022); lớp 11 (các năm học 2011-2012, 2014-2015, 2018-2019; 2021-2022) và lớp 12 (năm học 2019-2020).

Đối với các đánh giá quốc tế, thực hiện cam kết giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo với các tổ chức quốc tế uy tín, một số chương trình đánh giá đã và đang được triển khai theo đúng lộ trình. Việt Nam đã tham gia các chương trình đánh giá quốc tế, đó là: Chương trình đánh giá học sinh quốc tế (PISA); Chương trình phân tích các hệ thống giáo dục (PASEC); Chương trình đánh giá Quốc tế về dạy và học (TALIS); Chương trình Đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học khu vực Đông Nam Á (SEA-PLM) và Chương trình Phân tích hệ thống đánh giá học tập quốc gia (ANLAS).

Kết quả đánh giá PISA và các kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia, khu vực và quốc tế, thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh phổ thông (Intel ISEF), học sinh Việt Nam được đánh giá cao. Qua kết quả đánh giá của một số tổ chức quốc tế cho thấy chất lượng giáo dục phổ thông ở nước ta vượt mức trung bình của các nước khối OECD và luôn thuộc nhóm dẫn đầu về thành tích thi Olympic quốc tế.

Công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo được chú trọng hơn. Đến nay đã thành lập 07 tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục độc lập. Việc kiểm định chất lượng được tiến hành ở nhiều cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo. Kết quả kiểm định được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trên thực tế, mặc dù hệ thống đánh giá quốc gia, quốc tế đã đạt được nhiều thành tựu, nhưng vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: (i) Cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đảm bảo để triển khai các kỳ đánh giá quốc gia, quốc tế ở Việt Nam, nhất là đối với các kỳ đánh giá quốc tế theo yêu cầu và xu hướng đánh giá trên máy tính; (ii) Đội ngũ chuyên gia có trình độ cao về đo lường và đánh giá vẫn còn hạn chế; nhiều cán bộ, chuyên viên, giáo viên làm công tác khảo thí từ Trung ương đến địa phương chưa được đào tạo, bồi dưỡng một cách bài bản về kiến thức nền tảng để tiếp cận, cập nhật những phương pháp và kỹ thuật xử lý dữ liệu tiên tiến; (iii) Nội dung đánh giá quốc gia chưa thực sự hướng đến đánh giá năng lực người học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; (iv) Phương pháp, kỹ thuật và hình thức triển khai đánh giá quốc gia chưa áp dụng công nghệ

thông tin hiện đại trong tổ chức đánh giá; (v) Chưa có cơ sở dữ liệu đầy đủ để giúp cho quá trình chọn mẫu khảo sát chất lượng trên diện rộng; (vi) Chưa xây dựng cơ sở hạ tầng cho việc sử dụng hoặc liên kết những cơ sở dữ liệu, kết quả đánh giá ở nhiều lĩnh vực xã hội, cũng như sự kết nối cơ sở dữ liệu đánh giá quốc gia và quốc tế để phục vụ cho việc nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và hoạch định chính sách phát triển giáo dục ở nước ta.

Từ cơ sở thực tiễn nêu trên, việc ban hành Đề án phát triển hệ thống đánh giá diện rộng cấp quốc gia đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục và hội nhập quốc tế giai đoạn 2022-2030 là yêu cầu cần thiết, khách quan.

Phần II

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM

1. Đánh giá diện rộng cấp quốc gia là một thành tố quan trọng của hệ thống đánh giá giáo dục, có mục đích chính là đảm bảo duy trì các mục tiêu giáo dục, cung cấp những thông tin đáng tin cậy cho việc ra các quyết định quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục, điều chỉnh chính sách giáo dục quốc gia, góp phần hội nhập quốc tế. Phát triển hệ thống đánh giá diện rộng cấp quốc gia đối với giáo dục phổ thông được thực hiện qua việc tổ chức, triển khai có hiệu quả các đánh giá định kỳ quốc gia theo quy định của Việt Nam cũng như qua việc tham gia một số chương trình đánh giá quốc tế có uy tín của các tổ chức quốc tế mà Việt Nam đăng ký.

2. Phát triển hệ thống đánh giá diện rộng cấp quốc gia phải bảo đảm tính khoa học, khách quan và phù hợp với mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

3. Bảo đảm bố trí đủ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong việc phát triển hệ thống đánh giá diện rộng cấp quốc gia ở Trung ương và các địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển hệ thống đánh giá diện rộng cấp quốc gia nhằm định kỳ cung cấp các thông tin khách quan, tin cậy về chất lượng giáo dục phổ thông phù hợp với mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, làm cơ sở đề xuất các chính sách, góp phần đổi mới các hoạt động dạy và học để cải tiến chất lượng giáo dục phổ thông đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tổ chức, tham gia các chương trình đánh giá diện rộng cấp quốc gia

- Tổ chức đánh giá định kỳ quốc gia hằng năm cho các khối lớp và lĩnh vực học tập được lựa chọn phù hợp với yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

- Tham gia Chương trình đánh giá học sinh quốc tế (PISA) 03 chu kỳ tiếp theo và Chương trình đánh giá quốc tế về dạy và học (TALIS) 02 chu kỳ tiếp theo dựa trên cam kết giữa Việt Nam và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD);

- Tham gia Chương trình đánh giá kết quả học tập của học sinh Tiểu học các quốc gia khu vực Đông Nam Á (SEA-PLM) giai đoạn 2021-2025 tại Việt Nam theo cam kết giữa Việt Nam và Ban Thư ký Hội đồng Bộ trưởng Giáo dục các quốc gia Đông Nam Á (SEAMEO);

b) Bồi dưỡng tập huấn và cấp chứng nhận cho đội ngũ tham gia chương trình đánh giá diện rộng cấp quốc gia

- 100% các cơ sở giáo dục được lựa chọn vào mẫu đánh giá tham gia đầy đủ các chương trình đánh giá diện rộng cấp quốc gia tương ứng theo mục tiêu và quy trình kỹ thuật của mỗi kỳ đánh giá theo quy định;

- Ít nhất 100 cán bộ cốt cán¹ được bồi dưỡng tập huấn và cấp chứng nhận về các nội dung liên quan đến đánh giá diện rộng cấp quốc gia;

- 100% cán bộ làm công tác khảo thí cấp Sở được bồi dưỡng tập huấn nâng cao năng lực và cấp chứng nhận về đánh giá diện rộng cấp quốc gia nhằm đáp ứng tốt yêu cầu tổ chức các kỳ đánh giá;

- 100% Cán bộ quản lý và giáo viên ở các cơ sở giáo dục phổ thông tham gia đánh giá được bồi dưỡng và cấp chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng về đánh giá diện rộng cấp quốc gia hằng năm.

c) Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu đánh giá diện rộng cấp quốc gia phục vụ cho việc quản lý và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, bảo đảm cho việc phát triển bền vững hệ thống đánh giá diện rộng cấp quốc gia.

d) Đề xuất được các chính sách, góp phần đổi mới các hoạt động dạy học và giáo dục nhằm cải tiến chất lượng giáo dục phổ thông trên cơ sở thông tin thu được từ các đánh giá định kỳ quốc gia và các chương trình đánh giá quốc tế.

đ) Nghiên cứu các chương trình đánh giá quốc tế có uy tín để đề xuất Việt Nam tham gia trên cơ sở phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông; đồng thời, có thêm thông tin cho việc so sánh chất lượng giáo dục phổ thông Việt Nam với các nước khác trong khu vực và trên thế giới.

¹Cán bộ cốt cán môn học/đo lường, đánh giá/kỹ thuật với điều kiện: (i) Công tác trong ngành giáo dục; (ii) Am hiểu và có nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực/chuyên môn được phân công phụ trách; (iii) Đã từng tham gia các đợt tập huấn trong nước, quốc tế về lĩnh vực/chuyên môn đó.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về đánh giá diện rộng cấp quốc gia đối với giáo dục phổ thông

a) Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các chính sách, tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá và giám sát chất lượng, quy trình, giải pháp để phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống đánh giá diện rộng cấp quốc gia ở Việt Nam;

b) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về đánh giá diện rộng cấp quốc gia; xác định mô hình tổ chức bộ máy bảo đảm cho việc phát triển bền vững hệ thống đánh giá diện rộng cấp quốc gia.

2. Phát triển nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý và triển khai đánh giá diện rộng cấp quốc gia

a) Nâng cao nhận thức về vai trò và ý nghĩa của đánh giá diện rộng cấp quốc gia đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục và hội nhập quốc tế cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác khảo thí các cấp và đội ngũ giáo viên, học sinh ở các cơ sở giáo dục phổ thông;

b) Xây dựng và hoàn thiện các chương trình, tài liệu bồi dưỡng về đánh giá diện rộng cấp quốc gia cho các đối tượng liên quan;

c) Phát triển đội ngũ cán bộ cốt cán về đánh giá chất lượng giáo dục để trở thành lực lượng nòng cốt cho công tác quản lý và triển khai thực hiện các chương trình đánh giá diện rộng cấp quốc gia;

d) Nâng cao năng lực về đánh giá chất lượng giáo dục cho đội ngũ cán bộ làm công tác khảo thí và đánh giá các cấp theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, bảo đảm có đủ số lượng và năng lực để thực hiện các kỳ đánh giá diện rộng cấp quốc gia;

đ) Tổ chức các khóa tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên các cơ sở giáo dục phổ thông về đánh giá kết quả học tập của học sinh để thực hiện các kỳ đánh giá diện rộng cấp quốc gia; xây dựng và từng bước hoàn thiện chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, giáo viên các cơ sở giáo dục tham gia đánh giá diện rộng cấp quốc gia;

e) Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cốt cán về đánh giá diện rộng cấp quốc gia.

3. Xây dựng và hoàn thiện các thiết kế đánh giá định kỳ quốc gia theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018

a) Xây dựng Khung đánh giá định kỳ quốc gia với nội dung đánh giá phù hợp với các yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

b) Tiếp tục cải tiến các phương pháp, kỹ thuật và hình thức đánh giá định kỳ quốc gia; trong đó, cập nhật các phương pháp, kỹ thuật hiện đại trong thiết kế đánh giá, phân tích dữ liệu và báo cáo kết quả đánh giá;

c) Hoàn thiện các bộ công cụ đánh giá định kỳ quốc gia theo các khối lớp và lĩnh vực học tập phù hợp với yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

4. Bảo đảm các điều kiện phục vụ hiệu quả cho đánh giá diện rộng cấp quốc gia

a) Bảo đảm nguồn ngân sách Nhà nước cho các chương trình đánh giá diện rộng cấp quốc gia;

b) Trang bị hệ thống thiết bị xử lý và quản lý thông tin của các chương trình đánh giá diện rộng cấp quốc gia;

c) Chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc triển khai đánh giá trên máy tính đối với một số chương trình đánh giá diện rộng cấp quốc gia.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá diện rộng cấp quốc gia

a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá diện rộng cấp quốc gia, từng bước chuyển đánh giá trên giấy sang đánh giá trên máy tính;

b) Tăng cường sử dụng các phần mềm cập nhật trong phân tích dữ liệu trên cơ sở sử dụng các thành tựu mới về khoa học đo lường, đánh giá trong giáo dục;

c) Tập hợp và triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đánh giá diện rộng cấp quốc gia được quản lý trên phần mềm bảo đảm dễ quản lý, dễ nhập liệu và trích xuất thông tin phục vụ cho việc khai thác dữ liệu ở các cấp;

d) Triển khai thí điểm mô hình tổ chức chương trình đánh giá quốc tế trên máy tính tại các địa phương.

6. Tăng cường các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trong đánh giá diện rộng cấp quốc gia

a) Nghiên cứu và đề xuất Khung đánh giá định kỳ quốc gia đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

b) Nghiên cứu, hoàn thiện mô hình đánh giá diện rộng cấp quốc gia trên máy tính và thí điểm triển khai mô hình tại một số địa phương có điều kiện;

c) Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế trong việc nghiên cứu các thành tựu mới của khoa học đo lường, đánh giá trong giáo dục; tham gia các chương trình đánh giá quốc tế có uy tín, đồng thời tăng cường trao đổi, chia sẻ giữa cán bộ cốt cán quốc tế và Việt Nam đối với các vấn đề liên quan đến đánh giá diện rộng cấp quốc gia.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn ngân sách Nhà nước được giao trong dự toán Ngân sách quy định theo Luật Ngân sách Nhà nước. Căn cứ vào nhiệm vụ được giao trong Đề án, Bộ Giáo dục và Đào tạo và địa phương xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp chung trong kế hoạch dự toán ngân sách hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và địa phương, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án;

b) Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Đề án;

c) Định kỳ tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết vào năm 2025, tổng kết vào năm 2030.

2. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí ngân sách Nhà nước để đăng ký tham gia các chương trình đánh giá quốc tế và tổ chức các đánh giá diện rộng cấp quốc gia theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước;

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và địa phương bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hằng năm và hướng dẫn cơ chế tài chính triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển để thực hiện Đề án theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong xây dựng chính sách và bố trí nguồn lực, hỗ trợ công tác đánh giá diện rộng cấp quốc gia. Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện theo Đề án gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Đề án;

b) Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án của địa phương;

c) Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên các cơ sở giáo dục phổ thông.

d) Cân đối, bố trí ngân sách địa phương để triển khai Đề án và chủ động huy động các nguồn lực bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ được giao./.

Phụ lục 1

CHƯƠNG TRÌNH ĐÁNH GIÁ PISA

1. Tổng quan về PISA

PISA là Chương trình đánh giá học sinh quốc tế (*Programme for International Student Assessment*) do Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) khởi xướng và chỉ đạo từ năm 2000.

Mục tiêu tổng quát của Chương trình PISA là nhằm kiểm tra mức độ chuẩn bị để đáp ứng các thách thức của cuộc sống sau này của học sinh khi đến độ tuổi kết thúc giai đoạn giáo dục bắt buộc. Với mục tiêu cụ thể, PISA hướng vào việc (1) Xem xét đánh giá các mức độ năng lực đạt được ở các lĩnh vực Toán học, Khoa học và Đọc hiểu của học sinh ở độ tuổi 15; (2) Nghiên cứu ảnh hưởng của các chính sách đến kết quả học tập của học sinh; (3) Nghiên cứu hệ thống các điều kiện giảng dạy-học tập có ảnh hưởng đến kết quả học tập của học sinh; (4) So sánh kết quả giáo dục của các nước tham gia PISA; (5) Xây dựng hệ thống dữ liệu quốc gia và quốc tế; (6) Hỗ trợ các quốc gia thấy được sự phát triển giáo dục của quốc gia mình qua các chu kỳ đánh giá.

PISA tập trung vào việc đánh giá ba năng lực thành phần bao gồm Đọc hiểu, Toán học và Khoa học với chu kỳ ba năm một lần. Mặc dù mỗi kỳ đánh giá PISA đều đánh giá cả ba năng lực nhưng sẽ tập trung vào một năng lực chính theo dạng quay vòng, để từ đó các dữ liệu chi tiết được cập nhật liên tục theo chu kỳ đối với mỗi lĩnh vực. Qua các chu kỳ, PISA cũng bổ sung thêm các lĩnh vực đánh giá mới. Ví dụ như chu kỳ PISA 2006 có thêm kỹ năng giải quyết vấn đề; chu kỳ PISA 2009 thêm năng lực tài chính; chu kỳ PISA 2012 thêm năng lực sử dụng máy tính; chu kỳ PISA 2018 và 2021 thêm năng lực công dân toàn cầu (Bảng 1).

Ngoài công cụ là các bài kiểm tra đo lường các năng lực thì đánh giá PISA cũng bao gồm các bộ phiếu hỏi cho các đối tượng như học sinh, nhà trường, giáo viên, phụ huynh nhằm thu thập các thông tin liên quan đến điều kiện sống, việc học tập và rèn luyện của học sinh cũng như các điều kiện đảm bảo cho quá trình giáo dục. Đối tượng đánh giá là học sinh trong độ tuổi 15, độ tuổi kết thúc giai đoạn giáo dục bắt buộc ở hầu hết các quốc gia (15 năm 3 tháng đến 16 năm 2 tháng - độ tuổi PISA). PISA hướng vào các trọng tâm về chính sách, được thiết kế và áp dụng các phương pháp khoa học cần thiết, giúp chính phủ các nước tham gia rút ra các bài học về chính sách đối với giáo dục phổ thông. Do điều kiện đại dịch Covid-19 nên chu kỳ PISA 2021 đã bị ảnh hưởng và được triển khai trong năm 2022.

Bảng 1. Các lĩnh vực được đánh giá qua các chu kỳ PISA

2000	2003	2006	2009	2012	2015	2018	2022
Đọc hiểu	Đọc hiểu	Đọc hiểu	Đọc hiểu	Đọc hiểu	Đọc hiểu	Đọc hiểu	Toán học
Toán học	Toán học	Toán học	Toán học	Toán học	Toán học	Toán học	Đọc hiểu
Khoa học	Khoa học	Khoa học	Khoa học	Khoa học	Khoa học	Khoa học	Khoa học
		Kỹ năng giải quyết vấn đề	+ Kỹ năng giải quyết vấn đề + Năng lực tài chính	+ Kỹ năng giải quyết vấn đề + Năng lực tài chính + Năng lực sử dụng máy tính	+ Kỹ năng giải quyết vấn đề + Năng lực tài chính + Năng lực sử dụng máy tính	+ Kỹ năng giải quyết vấn đề + Năng lực tài chính + Năng lực sử dụng máy tính + Năng lực Công dân toàn cầu	+ Kỹ năng giải quyết vấn đề + Năng lực tài chính + Năng lực sử dụng máy tính + Năng lực Công dân toàn cầu

2. PISA Việt Nam

Việt Nam bắt đầu tham gia PISA từ chu kỳ 2012, đã hoàn thành chu kỳ PISA 2012, 2015, 2018 và đang tiếp tục triển khai PISA chu kỳ 2021 theo đúng lộ trình. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xác định các mục tiêu tham gia PISA bao gồm: (1) Tích cực hội nhập quốc tế về giáo dục; so sánh "mặt bằng" giáo dục quốc gia với giáo dục quốc tế thông qua một chương trình đánh giá uy tín; (2) Được OECD đưa ra kết quả phân tích và đánh giá về chính sách giáo dục quốc gia và đề xuất những thay đổi về chính sách giáo dục quốc gia; (3) Góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; học tập quốc tế về đánh giá chất lượng giáo dục, nhất là đổi mới về kỹ thuật và phương pháp đánh giá, đưa ra cách tiếp cận mới về dạy-học, kiểm tra, thi và đánh giá. Khi tham gia PISA, Việt Nam đã phải tuân thủ theo các quy trình tổ chức thực hiện nghiêm ngặt do OECD quy định liên quan đến vấn đề dịch thuật, công tác tổ chức thử nghiệm, thu thập dữ liệu, chấm, nhập và làm sạch dữ liệu cũng như phân tích và báo cáo kết quả đánh giá.

OECD chọn mẫu ngẫu nhiên nghiêm ngặt theo phương pháp kỹ thuật và khung mẫu được thống nhất giữa OECD và Việt Nam. Theo đó, OECD xây dựng 1 khung mẫu và sau khi được thống nhất thì Việt Nam lập danh sách toàn bộ các trường có học sinh tuổi 15 sau đó gửi OECD cho việc chọn mẫu ngẫu nhiên. Bảng 2 cung cấp thông tin về mẫu khảo sát qua các chu kỳ đã thực hiện.

Bảng 2. Mẫu khảo sát PISA qua các chu kỳ

Loại hình trường	2012	2015	2018	2022
Loại trường				
Công lập	148	175	141	162
Ngoài công lập	14	13	10	18
Cấp trường				
THPT	121	150	116	129
THCS	31	20	25	28
Trường nghề	1	1	0	
Trung tâm Giáo dục thường xuyên	3	9	4	7
Trường Phổ thông Dân tộc nội trú	3	4	2	2
Trường hỗn hợp/liên cấp	3	4	4	14
Tổng số trường	162	188	151	180

Tham gia với khởi điểm chỉ số GDP thấp nhất trong các quốc gia tham dự PISA nhưng Việt Nam đã hoàn thành chu kỳ đánh giá 2012, 2015, 2018 với kết quả tương đối cao so với kỳ vọng đặt ra. Kết quả thể hiện sự nỗ lực vượt bậc của quốc gia được thể hiện trong Bảng 3 dưới đây:

Bảng 3. Kết quả PISA chu kỳ 2012, 2015, 2018

Lĩnh vực	Quốc gia/Vùng	2012		2015		2018	
		TB	Xếp hạng	TB	Xếp hạng	TB	Thứ hạng
Khoa học	OECD	501		493		489	
	Việt Nam	528	8/65	525	8/70	543	4/79
Toán	OECD	494		490		489	
	Việt Nam	511	17/65	495	22/70	496	24/79
Độc hiểu	OECD	496		493		487	
	Việt Nam	508	19/65	487	32/70	505	13/79

Năm 2020, trước đại dịch Covid-19 bùng phát trên toàn quốc, các quốc gia tham gia PISA chu kỳ 2021 phải hoãn việc triển khai PISA, tuy nhiên, Việt Nam vẫn tiến hành thành công kỳ khảo sát thử nghiệm vào tháng 6 năm 2020 tại 29 trường THCS, THPT thuộc 10 tỉnh, thành phố với 29 hiệu trưởng và 1.021 học sinh. Tháng 4 năm 2022, khảo sát chính thức PISA đã được triển khai tại 180 cơ sở giáo dục thuộc 61 tỉnh, thành phố với 180 hiệu trưởng và 6.137 học sinh. Hiện nay, dữ liệu đang được nhập và gửi Tổ chức OECD theo quy định.

Phụ lục 2

CHƯƠNG TRÌNH ĐÁNH GIÁ PASEC

1. Tổng quan về PASEC

PASEC là Chương trình phân tích các hệ thống giáo dục (*Programme d'analyse des systèmes éducatifs de la CONFEMEN*) của Hội nghị các Bộ trưởng giáo dục các nước sử dụng tiếng Pháp.

Được thành lập vào năm 1991, Chương trình đánh giá PASEC nhằm mục đích ghi lại sự phát triển của thành tích của hệ thống giáo dục nhằm hỗ trợ việc xây dựng và giám sát các chính sách giáo dục ở mỗi quốc gia. PASEC tập trung vào khả năng so sánh quốc tế của năng lực học sinh ở đầu và cuối chu kỳ của cấp Tiểu học để phân tích và hiểu rõ hơn về tính hiệu quả và công bằng của hệ thống giáo dục. Cụ thể, PASEC đo lường năng lực ở đầu và cuối chu kỳ tiểu học (Lớp 2 và Lớp 5) ở hai môn học chính là Ngôn ngữ và Toán học, đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của học sinh. Các thông tin tác động đến kết quả học tập của học sinh được thu thập bao gồm các dữ liệu về điều kiện kinh tế, truyền thống văn hoá, đặc điểm hoàn cảnh gia đình, ... Các bộ đề khảo sát được xây dựng theo hướng đánh giá được năng lực của học sinh, trong đó, có đưa các tình huống trong thực tiễn trong cuộc sống vào các đề đo lường năng lực của học sinh. Đối tượng khảo sát của PASEC là học sinh lớp 2, lớp 5, giáo viên dạy lớp 2, lớp 5 và Hiệu trưởng các trường Tiểu học. Phân tích dữ liệu được thực hiện theo từng quốc gia và phân tích so sánh giữa các quốc gia tham gia đánh giá.

2. PASEC Việt Nam

Việt Nam tham gia Chương trình đánh giá PASEC lần đầu tiên vào năm 2011. Mục tiêu tham gia PASEC của Việt Nam là đánh giá kết quả học tập của học sinh lớp 2 và lớp 5 ở hai môn toán và tiếng Việt vào đầu năm học và cuối năm học; thu thập các thông tin về những yếu tố tác động đến kết quả học tập của học sinh. Mẫu tham gia chương trình của Việt Nam tại 180 trường thuộc 55 tỉnh, thành phố. Trong đó, mỗi trường chọn ngẫu nhiên 01 lớp/1 khối lớp, và trong mỗi lớp 15 học sinh được chọn ngẫu nhiên tham gia chương trình. Đối với giáo viên, mỗi trường chọn 02 giáo viên tham gia trả lời phiếu hỏi, trong đó gồm 01 giáo viên dạy lớp 2 và 01 giáo viên dạy lớp 5. Đó là giáo viên của các lớp được chọn vào mẫu khảo sát. 180 Hiệu trưởng các trường Tiểu học cũng tham gia khảo sát thông qua một bộ phiếu hỏi.

Kết quả khảo sát của học sinh lớp 2 và lớp 5 ở 2 đợt khảo sát như sau:

Bảng 4. Kết quả khảo sát của HS lớp 2 và lớp 5

	Lớp 2		Lớp 5	
	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra
Điểm số môn Tiếng Việt	505,6	495,1	498,1	501,7
Điểm số môn Toán	505,3	495,3	485,5	514,7

- Ở lớp 2, các bài kiểm tra là quá dễ đối với học sinh ở cả đầu năm và cuối năm. Trên thực tế, có hơn nửa số câu hỏi của bài kiểm tra đầu năm (đầu vào) đã được ít nhất 90% học sinh trả lời đúng. Theo kết quả đánh giá, 100% học sinh Việt Nam đạt mức 3, là mức cao nhất trong thang đo mức độ thành thạo môn Toán và tiếng Việt của chương trình PASEC.

- Ở lớp 5, kết quả khảo sát cuối năm môn Tiếng Việt tăng 3,6 điểm so với khảo sát đầu năm. Tuy nhiên, 25% học sinh yếu nhất có sự tiến bộ đáng kể trong môn Tiếng Việt với giá trị tăng thêm là +52 điểm. Ở môn Toán, kết quả của học sinh lớp 5 cũng đã có sự tiến bộ đáng kể. Khảo sát cuối năm tăng hơn 29,2 điểm so với kết quả khảo sát đầu năm. 75% học sinh đã có sự tiến bộ bình quân là +42 điểm trong năm học, điều này cho phép các em thực hiện những nhiệm vụ bổ sung. Ở khối lớp này, khi báo cáo theo thang đo mức độ thành thạo thì với môn Tiếng Việt, có 90.7% học sinh đạt mức 3 và 9.3% học sinh đạt mức 2. Đối với môn Toán, có 50.1% học sinh đạt ở mức 3 và 49.9% học sinh đạt ở mức 2. Không có học sinh nào đạt ở mức thấp nhất (mức 1).

Phụ lục 3

CHƯƠNG TRÌNH ĐÁNH GIÁ TALIS

1. Tổng quan về TALIS

TALIS là Chương trình Đánh giá Quốc tế về Dạy và Học (*Teaching and Learning International Survey*) trong nhà trường phổ thông, được Tổ chức OECD nghiên cứu và xây dựng một cách bài bản, khoa học. TALIS thực hiện theo chu kỳ đánh giá 5 năm/lần, chu kỳ đầu tiên của TALIS là 2008 tại 24 quốc gia/vùng kinh tế OECD.

Các quốc gia tham gia TALIS nhằm đạt được các mục tiêu chung sau: (1) Cung cấp kịp thời, hiệu quả các chỉ số quốc tế và phân tích công tác quản lý của Hiệu trưởng, chính sách về giáo viên, công tác giảng dạy của giáo viên, cũng như các điều kiện cơ bản đáp ứng việc dạy và học tại trường nhằm giúp các nước nỗ lực rà soát và phát triển chính sách để thúc đẩy, tạo điều kiện cho việc Dạy và Học có hiệu quả; (2) Cung cấp những báo cáo phân tích xuyên quốc gia nhằm so sánh các nước với nhau hiện đang cùng đối mặt với những thách thức giống nhau để tìm hiểu về các phương pháp tiếp cận chính sách khác nhau và tác động của chúng tới môi trường giảng dạy và học tập ở trường; (3) Kết nối dữ liệu với PISA nhằm tìm ra các yếu tố liên quan giữa kết quả học tập của học sinh với nhà trường, giáo viên và hiệu trưởng để đánh giá tổng thể chất lượng giáo dục của các quốc gia.

TALIS tập trung vào việc đánh giá môi trường giảng dạy và học tập trong nhà trường, chính sách phát triển giáo dục, các điều kiện làm việc và trình độ quản lý của Hiệu trưởng, nghiệp vụ giảng dạy của giáo viên và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục trong nhà trường ở bốn đối tượng ở các cấp Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và Pisa-Link (trường có kết nối với các trường tham gia PISA) thông qua bộ công cụ khảo sát gồm bộ phiếu hỏi dành cho hiệu trưởng và giáo viên.

2. TALIS Việt Nam

Việt Nam lần đầu tiên tham gia TALIS ở chu kỳ 2018 với trên 45 quốc gia/vùng kinh tế cùng tham gia. Ngoài những mục tiêu cơ bản giống như các nước tham gia TALIS, Việt Nam còn có thêm những mục tiêu cụ thể như sau: (1) Từng bước tích cực tham gia hội nhập quốc tế về giáo dục; (2) Là cơ hội khách quan để đánh giá tổng thể chất lượng giáo dục Việt Nam trên con đường hội nhập quốc tế về giáo dục; (3) Có thể so sánh "mặt bằng" giáo dục quốc gia với giáo dục quốc tế để biết được giáo dục Việt Nam như thế nào, từ đó có sự cải tiến chính sách và đầu tư cho sự phát triển của giáo dục; (4) Là cơ hội học tập về kỹ thuật và phương pháp đánh giá của các nước tiên tiến nhằm đưa ra cách tiếp cận mới về dạy, học; từ đó, góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo

dục đào tạo; (5) Góp phần thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Việt Nam.

Về khảo sát chính thức, Bảng 5 cung cấp các thông tin tổng quan về mẫu khảo sát của Việt Nam chu kỳ 2018.

Bảng 5. Mẫu khảo sát chính thức TALIS

Loại hình trường	Số lượng trường khảo sát	Số lượng Hiệu trưởng	Số lượng Giáo viên
Tiểu học	194	194	3.975
THCS	196	196	3.846
THPT	199	199	5.138
PISA-Link	115	115	2.180
Tổng	704	704	15.139

Kết quả TALIS chu kỳ 2018 của Việt Nam về cơ bản là cao hơn trung bình OECD ở hầu hết các chủ đề được chọn để đưa vào khảo sát. Các chỉ số thu được sau đánh giá đã cho thấy ưu thế nổi bật của giáo dục Việt Nam hiện nay là đổi mới, đa dạng và công bằng. Ở Việt Nam, giáo viên nữ chiếm 66% (OECD là 68%); hiệu trưởng nữ là 29% (OECD là 47%); Xét về môi trường lớp học, quan hệ giữa học sinh và giáo viên nói chung là tích cực, với 95% giáo viên ở Việt Nam đồng ý rằng học sinh và giáo viên thường hòa hợp với nhau.

Tuy nhiên, 2% hiệu trưởng cho rằng các hành vi đe dọa hoặc bắt nạt thường xuyên giữa các học sinh, trong khi đó tỷ lệ trung bình của OECD là 14%. Trong một bài học điển hình, giáo viên dành 85% thời gian trên lớp cho việc dạy và học thực tế, trung bình ở Việt Nam, mức trung bình của OECD là 78%. Giáo viên Việt Nam thường xuyên đánh giá sự tiến bộ của học sinh bằng cách quan sát học sinh và đưa ra phản hồi ngay lập tức (chiếm 91%), trung bình của OECD là 79%; Tỷ lệ giáo viên cung cấp thông tin phản hồi của họ về việc đánh giá cho học sinh chiếm 83% (trung bình của OECD 77%) và 63% giáo viên Việt Nam thường xuyên để học sinh tự đánh giá tiến bộ của mình (trung bình OECD là 41%). 94% giáo viên Việt Nam cũng cho rằng giữa các đồng nghiệp hỗ trợ lẫn nhau trong việc thực hiện các ý tưởng mới. Con số này cao hơn so với tỷ lệ trung bình trên các quốc gia và nền kinh tế OECD tham gia TALIS (chiếm 78%). 69% lãnh đạo nhà trường đã hoàn thành chương trình hoặc khóa học về quản lý trường học hoặc đào tạo hiệu trưởng (trung bình 54% của OECD) và 57% đã hoàn thành chương trình hoặc khóa đào tạo lãnh đạo hướng dẫn (trung bình 54% của OECD) lên vị trí của họ là hiệu trưởng.

Phụ lục 4

CHƯƠNG TRÌNH ĐÁNH GIÁ SEA-PLM

1. Tổng quan

SEA-PLM là Chương trình Đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học khu vực Đông Nam Á (*The Southeast Asia Primary Learning Metrics*) cấp khu vực do ASEAN khởi xướng năm 2011 nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục thông qua việc giám sát theo hệ thống kết quả học tập của học sinh. Việc tham gia Chương trình sẽ giúp các nước thành viên đo lường tốt hơn và hiểu sâu hơn tình hình kết quả học tập của học sinh bằng cách áp dụng khung chương trình đánh giá chung của ASEAN vào việc đánh giá năng lực của học sinh ở các lĩnh vực: Đọc hiểu, Viết, Toán và Giáo dục công dân toàn cầu. Mục tiêu chung của chương trình giảng dạy giữa các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á là xây dựng những công dân được trang bị tốt và tích cực hòa nhập vào thế giới. Các lĩnh vực Đọc hiểu, Viết, Toán học và Giáo dục công dân toàn cầu là nền tảng để đạt được những kết quả này. Các bộ công cụ khảo sát bao gồm: các bộ đề khảo sát các lĩnh vực: Toán, Đọc hiểu, Viết và các bộ phiếu hỏi dành cho hiệu trưởng, giáo viên, học sinh và phụ huynh học sinh.

2. SEA-PLM Việt Nam

Việt Nam tham gia Chương trình đánh giá SEA-PLM với các mục tiêu (1) Hội nhập với các nước trong khu vực về giáo dục; (2) Đo được mặt bằng giáo dục Việt Nam so với các nước trong khu vực; (3) Được đánh giá khách quan về chất lượng giáo dục Việt Nam so với các nước trong khu vực, đồng thời được ACER phân tích thực trạng giáo dục và các khuyến nghị thay đổi chính sách giáo dục để cải thiện chất lượng giáo dục Việt Nam ngày một tốt hơn; (4) Thể hiện trách nhiệm của Việt Nam đối với việc xây dựng và phát triển ngôi nhà chung ASEAN.

Tháng 5 năm 2019, Việt Nam đã triển khai thành công khảo sát chính thức SEA-PLM 2019 tại 150 trường Tiểu học thuộc 58 tỉnh, thành phố với 150 Hiệu trưởng, 819 giáo viên, 4.837 học sinh và 4.531 phụ huynh học sinh tham gia khảo sát.

Theo kết quả SEA-PLM được Ban Thư ký SEAMEO công bố, Việt Nam đạt kết quả cao so với các nước tham gia trong khu vực ở cả ba lĩnh vực: Đọc hiểu, Viết, Toán. Cụ thể: (1) Lĩnh vực Đọc hiểu: Kết quả được phân tích theo 6 mức năng lực/thành thạo, Việt Nam đạt trung bình là 6 - mức cao nhất của thang đánh giá. Tỷ lệ mức độ thành thạo của Việt Nam đạt 81.8% trong khi Malaysia đứng thứ hai đạt 58.6%, các nước còn lại đạt từ 2-10%. (2) Lĩnh vực Viết: Kết quả được phân tích theo 8 mức năng lực/thành thạo, Việt Nam đạt trung bình ở mức 6. Ở mức năng lực cao nhất, Việt Nam đạt 21% trong khi các nước còn lại đạt từ 2-4%. (3) Lĩnh vực Toán học: Kết quả được phân tích theo 9 mức năng lực/thành thạo, Việt Nam đạt trung bình ở mức 8. Ở mức năng lực cao nhất, Việt Nam đạt 41.8%, các nước còn lại đạt từ 1-8%.

Phụ lục 5**ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ QUỐC GIA CỦA VIỆT NAM**

Đánh giá định kỳ quốc gia của Việt Nam được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 51/2011/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá định kỳ quốc gia kết quả học tập của học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông. Theo đó, đánh giá quốc gia kết quả học tập của học sinh các lớp là nghiên cứu khảo sát quy mô quốc gia, với các mục tiêu:

1. Giám sát, đánh giá kết quả học tập của học sinh TH, THCS, THPT trong năm học thực hiện khảo sát;

2. Xem xét mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng theo chương trình hiện hành của học sinh tại thời điểm đánh giá với các môn được thực hiện khảo sát, so sánh với kết quả của đợt khảo sát liền kề trước đó;

3. Xây dựng một ngân hàng đề thi chuẩn hóa của các khối lớp cuối cấp cho các kỳ đánh giá tiếp theo; Phân tích dự báo các điểm mạnh và điểm cần khắc phục cho giáo viên, học sinh tham gia giảng dạy chương trình, SGK ở trường phổ thông;

4. Cung cấp một mô hình đánh giá kết quả học tập của học sinh cho các Sở Giáo dục và Đào tạo để thực hiện các cuộc đánh giá tương tự với quy mô cấp tỉnh/thành phố;

5. Cung cấp các kiến nghị góp phần giúp Bộ Giáo dục và Đào tạo điều chỉnh các chính sách hiện hành và xây dựng những chiến lược và chính sách mới nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục trung học nói riêng và giáo dục phổ thông nói chung;

6. Nâng cao năng lực và trình độ đội ngũ chuyên gia về kỹ thuật đánh giá diện rộng kết quả học tập của học sinh;

7. Chuẩn bị tâm thế và các điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh dạy học Chương trình 2018 theo hướng phát triển năng lực người học và tham gia các chương trình đánh giá quốc tế.

Trong hơn 10 năm qua, Việt Nam đã tiến hành nhiều cuộc đánh giá quốc gia. Cụ thể là đánh giá quốc gia lớp 5 các năm học 2010-2011 và 2019-2020; đánh giá lớp 9 năm học 2012-2013, 2019-2020 và 2021-2022; đánh giá lớp 11 năm học 2011-2012, 2014-2015, 2018-2019; 2021-2022.

Các đánh giá quốc gia được tiến hành với phạm vi toàn quốc, được lựa chọn theo nguyên tắc chọn mẫu thống nhất theo cách chọn mẫu của PISA. Đối tượng tham gia khảo sát bao gồm học sinh ở khối lớp được chọn khảo sát; giáo viên dạy khối lớp được khảo sát; cán bộ quản lý các trường TH, THCS, THPT.

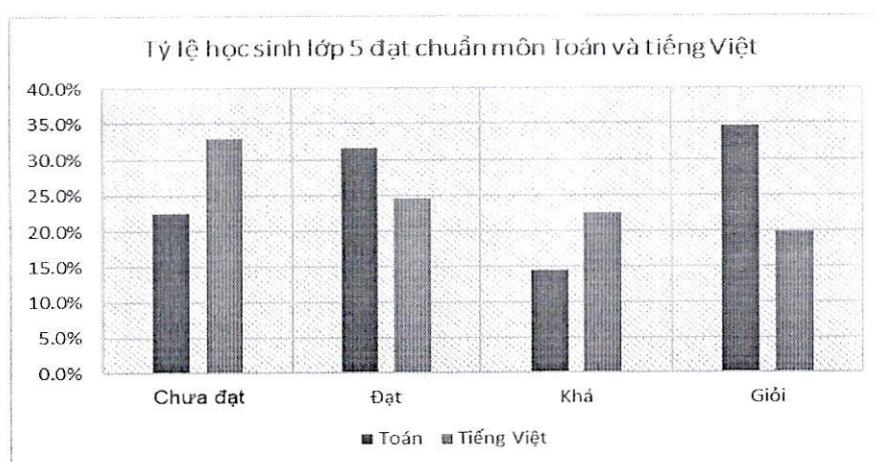
Nội dung khảo sát bao gồm các đánh giá kết quả học tập các môn học thông qua các bài kiểm tra và đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của học sinh thông qua các bộ phiếu hỏi. Chẳng hạn với các đề kiểm tra, đánh giá lớp 11 trong các năm học 2011-2012, 2014-2015, 2018-2019 tập trung vào các môn học Toán, Ngữ văn và Tiếng Anh. Đánh giá lớp 9 năm học 2012-2013 tập trung vào các môn học Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh và Sinh học. Đánh giá lớp 5 năm học 2019-2020 tập trung vào môn Toán và Tiếng Việt.

Các bảng sau cung cấp một số thông tin về mẫu khảo sát cho chương trình đánh giá quốc gia lớp 5, lớp 9, lớp 11 và lớp 12 trong 10 năm qua.

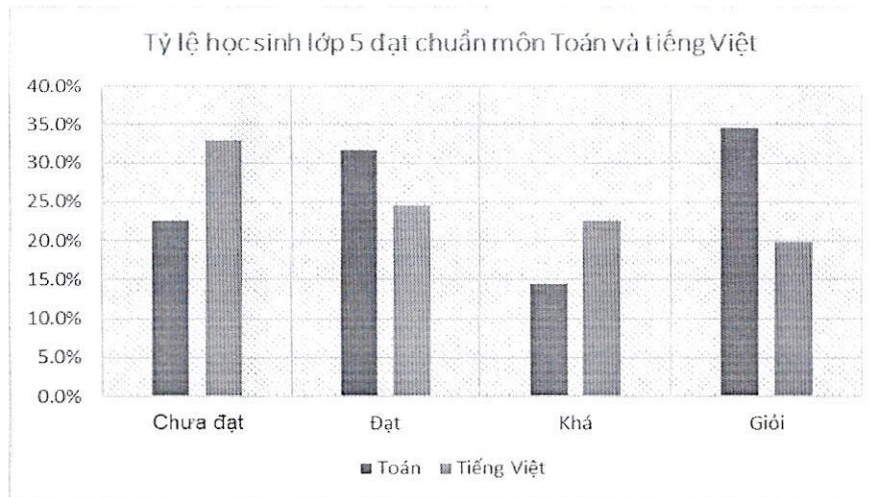
Bảng 6. Mẫu khảo sát chính thức Đánh giá lớp 5, 9, 11, 12
giai đoạn 2011-2022

Khối lớp	Năm học KS	Hiệu trưởng	Học sinh	Phụ huynh học sinh	Giáo viên
Lớp 5	2019-2020	346	19.277	17.189	2.249
Lớp 9	2012-2013	629	18.881	-	4.181
	2021-2022	311	11.994	15.954	2.029
Lớp 11	2011-2012	340	10.060	-	2.018
	2014-2015	300	10.366	-	1.750
	2018-2019	200	7.984	-	1.444
	2021-2022	338	13.427	-	3.336
Lớp 12	2019-2020	340	19.411	17.821	2.388

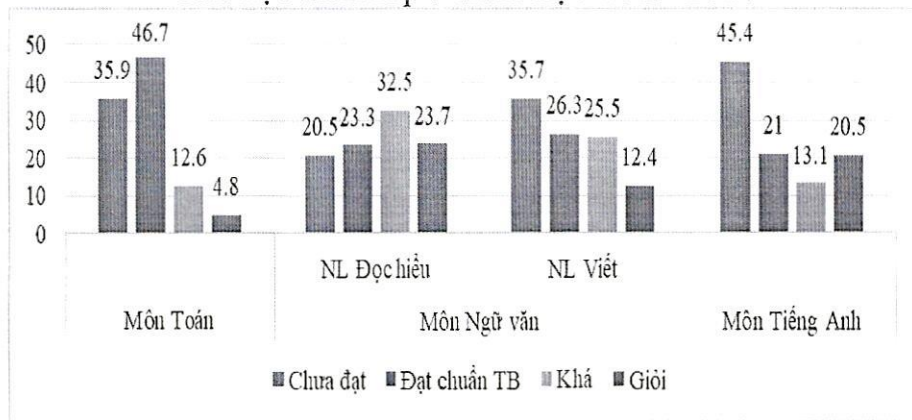
Hình sau đây mô tả tỷ lệ đạt chuẩn cho môn học tương ứng của học sinh lớp 5, lớp 9, lớp 11 và lớp 12 được triển khai khảo sát những năm gần đây.



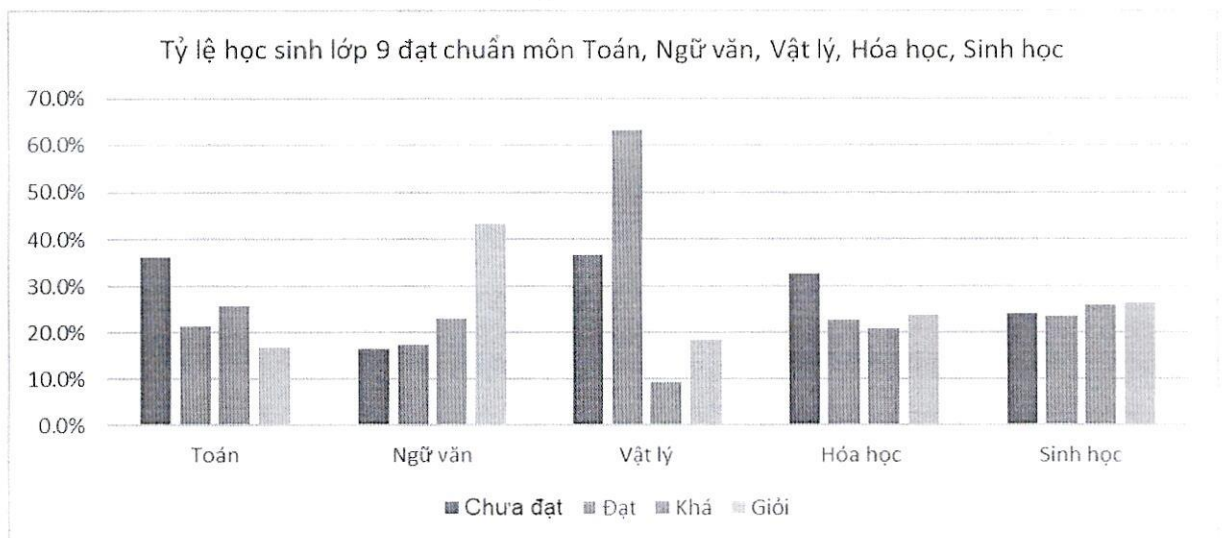
Hình 1. Tỷ lệ đạt chuẩn môn Toán và tiếng Việt của học sinh lớp 5 năm học 2019-2020



Hình 2. Tỷ lệ đạt chuẩn môn Toán, Ngữ văn, Vật lý, Hóa học, Sinh học của học sinh lớp 9 năm học 2019-2020



Hình 3. Tỷ lệ đạt chuẩn môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh của học sinh lớp 11 năm học 2018-2019



Hình 4. Tỷ lệ đạt chuẩn môn Toán, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý của học sinh lớp 12 năm học 2019-2020

Phụ lục 6
DỰ TOÁN KINH PHÍ THAM GIA ĐÁNH GIÁ QUỐC TẾ
GIAI ĐOẠN 2025-2030

Đơn vị tính: 1.000đ

TT	Chương trình đánh giá định kỳ quốc tế	Tổng kinh phí dự kiến	Trong đó		
			Lệ phí	Tổ chức hoạt động	Mua sắm thiết bị
1	PISA	110.000.000	5.000.000	100.000.000	5.000.000
2	PASEC	40.000.000	18.000.000	20.000.000	2.000.000
3	TALIS	45.000.000	13.000.000	31.000.000	1.000.000
4	SEA-PLM	17.700.000	1.200.000	16.500.000	0
	Tổng kinh phí:	212.700.000	27.200.000	167.500.000	9.000.000

Phụ lục 7
KINH PHÍ THAM GIA ĐÁNH GIÁ SEA-PLM
GIAI ĐOẠN 2021-2026

Đơn vị tính: 1.000đ

TT	Hoạt động	Tổng kinh phí dự kiến	Trong đó		
			Lệ phí	Tổ chức hoạt động	Mua sắm thiết bị
1	Giai đoạn chuẩn bị và khảo sát thử nghiệm	4.480.000	480.000	4.000.000	0
2	Khảo sát chính thức	9.740.000	240.000	9.500.000	0
3	Sau khảo sát	3.480.000	480.000	3.000.000	0
	Tổng kinh phí:	17.700.000	1.200.000	16.500.000	0

Phụ lục 8

**KINH PHÍ THAM GIA ĐÁNH GIÁ PISA TRÊN MÁY TÍNH
ĐỐI VỚI CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
CHU KỲ 2025**

Đơn vị tính: 1.000đ

TT	Hoạt động	Tổng kinh phí dự kiến	Trong đó		
			Lệ phí	Tổ chức hoạt động	Mua sắm thiết bị
1	Giai đoạn chuẩn bị và khảo sát thử nghiệm	30.000.000	2.000.000	26.000.000	2.000.000
2	Khảo sát chính thức	55.000.000	2.000.000	50.000.000	3.000.000
3	Sau khảo sát	15.000.000	1.000.000	14.000.000	0
	Tổng kinh phí:	100.000.000	5.000.000	90.000.000	5.000.000

Phụ lục 9
KINH PHÍ THAM GIA ĐÁNH GIÁ PASEC
ĐỐI VỚI CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
CHU KỲ 2025

Đơn vị tính: 1.000đ

TT	Hoạt động	Tổng kinh phí dự kiến	Trong đó		
			Lệ phí	Tổ chức hoạt động	Mua sắm thiết bị
1	Giai đoạn chuẩn bị và khảo sát thử nghiệm	16.000.000	9.000.000	6.000.000	1.000.000
2	Khảo sát chính thức	18.000.000	6.000.000	11.000.000	1.000.000
3	Sau khảo sát	6.000.000	3.000.000	3.000.000	0
	Tổng kinh phí:	40.000.000	18.000.000	20.000.000	2.000.000

Phụ lục 10

**KINH PHÍ THAM GIA ĐÁNH GIÁ TALIS TRÊN MÁY TÍNH
ĐỐI VỚI CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
CHU KỲ 2024**

Đơn vị tính: 1.000đ

TT	Hoạt động	Tổng kinh phí dự kiến	Trong đó		
			Lệ phí	Tổ chức hoạt động	Mua sắm thiết bị
1	Giai đoạn chuẩn bị và khảo sát thử nghiệm	14.200.000	5.200.000	8.000.000	1.000.000
2	Khảo sát chính thức	22.600.000	2.600.000	20.000.000	0
3	Sau khảo sát	8.200.000	5.200.000	3.000.000	0
	Tổng kinh phí:	45.000.000	13.000.000	31.000.000	1.000.000

Phụ lục 11

**THỐNG KÊ CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ,
GIÁO VIÊN TOÀN QUỐC**

TT	Cơ sở giáo dục	Số trường/Trung tâm	Hiệu trưởng/Giám đốc	Phó hiệu trưởng/Phó Giám đốc	Giáo viên đạt trình độ chuẩn trở lên
1	Trường Tiểu học/ Tiểu học và THCS	14.746	12.293	17.887	406.806
2	Trường THCS/ THCS và THPT/ Tiểu học, THCS và THPT	10.546	10.546	12.119	283.814
3	Trường THPT	2.330	2.330	5.403	140.354
4	Trung tâm GDTX /Trung tâm GDNN-GDTX	662	662	807	7.087
	Tổng cộng:	28.284	25.831	36.216	838.061

Phụ lục 12
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN THAM GIA ĐÀO TẠO,
BỒI DƯỠNG VỀ ĐÁNH GIÁ CẤP QUỐC GIA
GIAI ĐOẠN 2023-2025

Đơn vị tính: người

TT	Cơ sở giáo dục	Tổng số	Trong đó	
			Cán bộ quản lý	Giáo viên
1	Trường Tiểu học/Tiểu học và THCS	8.850	2.250	6.600
2	Trường THCS/THCS và THPT/ Tiểu học, THCS và THPT	6.350	1.600	4.750
3	Trường THPT	1.400	350	1.050
4	Trung tâm GDTX /Trung tâm GDNN-GDTX	400	100	300
	Tổng cộng:	17.000	4.300	12.700

Phụ lục 13

**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN THAM GIA ĐÀO TẠO,
BỒI DƯỠNG VỀ ĐÁNH GIÁ CẤP QUỐC GIA
GIAI ĐOẠN 2023-2025**

Đơn vị tính: người

TT	Cơ sở giáo dục	Tổng số	Trong đó	
			Cán bộ quản lý	Giáo viên
1	Trường Tiểu học/ Tiểu học và THCS	29.600	7.400	22.200
2	Trường THCS/ THCS và THPT/ Tiểu học, THCS và THPT	21.300	5.300	16.000
3	Trường THPT	4.750	1.200	3.550
4	Trung tâm GDTX /Trung tâm GDNN-GDTX	1.350	350	1.000
	Tổng cộng:	57.000	14.142	42.426

Phụ lục 14

**KINH PHÍ TẬP HUẤN ĐÁNH GIÁ CẤP QUỐC GIA CHO CÁN BỘ
QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**

Đơn vị tính: 1.000đ

STT	Giai đoạn	Số người được tập huấn	Kinh phí bình quân tập huấn 1 người	Tổng kinh phí
1	Giai đoạn 2022-2030	57.000	1.200	68.400.000
	Tổng cộng:			68.400.000

Phụ lục 15
DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TẬP HUẤN
ĐÁNH GIÁ CẤP QUỐC GIA CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN
CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Đơn vị tính: 1.000đ

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tổng cộng	Căn cứ
1	Chi đi lại cho Ban tổ chức và giảng viên, trợ giảng: 6 người x 8.000.000đ (vé máy bay, taxi đi - về)	người	6	8.000	48.000	Thực tế
2	Công tác phí cho Ban tổ chức và giảng viên, trợ giảng: 6 người x 8 ngày x 200.000 đ	ngày	48	200	9.600	TT40
3	Tiền ngủ cho Ban tổ chức và giảng viên, trợ giảng: 6 người x 3 đêm x 350.000đ/người/đêm	người	18	350	6.300	TT40
4	Chi giảng viên, trợ giảng: 6 buổi x 2 giảng viên/buổi x 1.000.000đ/buổi/người	buổi	12	1.000	12.000	TT36
5	Chế độ đại biểu cho cán bộ quản lý, giáo viên tham dự tập huấn: 200 người x 6 buổi x 100.000đ/buổi	người	1.200	100	120.000	TT40
6	Chi nước uống cho đại biểu tham dự: 200 người x 6 buổi x 20.000đ/buổi	người	1.200	20	24.000	TT40
7	Chi phô tô tài liệu, mua văn phòng phẩm: 200 người x 100.000đ/người	người	200	100,5	20.100	TT192
	Tổng cộng:				240.000	
	Kinh phí bình quân tập huấn 1 người				1.200	